|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH TUYÊN QUANG | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **SỞ VĂN HOÁ, THỂ THAO**  **VÀ DU LỊCH** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /BC-SVHTTDL | *Tuyên Quang, ngày tháng 7 năm 2025* |

**BÁO CÁO**

**Đánh giá tác động thực hiện việc ban hành Nghị quyết**

**Quy định mức thưởng đối với các huấn luyện viên, vận động viên**

**thể thao lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao trong tỉnh áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày19/02/2025; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 củaChính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thihành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch báo cáo đánh giá tác động thực hiện việc ban hành Nghị quyết Quy định mức thưởng đối với các huấn luyện viên, vận động viên thể thao lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao trong tỉnh áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, như sau:

**I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ**

**1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

***a)*** Ngày 29/6/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND quy định mức tiền thưởng đối với các huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích tại các đại hội cấp quốc gia và mức chi giải thưởng các giải thi đấu thể thao trong tỉnh áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; thời điểm áp dụng từ ngày 10/7/2023.

Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND được ban hành trên cơ sở các quy định của Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 củaChính phủ quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thểthao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu. Trong đó, tại khoản 9 Điều 8 Nghị định số 152/2018/NĐ-CP5 quy định *Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh* *quyết định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương lập thành tích tại các đại hội, giải vô địch thể thao quốc gia trên cơ sở quy định của pháp luật*; tại điểm b khoản 1 Điều 9 Nghị định số 152/2018/NĐ-CP quy định *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chi tiền thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương*.

***b)*** Đến ngày 16/4/2025, Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính đã có cuộc họp làm việc, trao đổi về tính pháp lý của một số văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, trong đó có ý kiến về Điều 1 Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND quy định phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng: “Quyết định này Quy định mức tiền thưởng và mức chi giải thưởng đối với Huấn luyện viên, vận động viên thể thao của tỉnh khi thành tích tại các đại hội, Hội khỏe Phù Đổng, các giải thi đấu của từng môn thể thao cấp huyện, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện), cấp tỉnh, cấp khu vực quốc gia, cấp quốc gia, Hội thi thể thao quần chúng, giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật cấp huyện, cấp tỉnh, cấp khu vực quốc gia, cấp quốc gia”.

- Tại Điểm d Khoản 1 Điều 15 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương  
năm 2025 quy định: *“Hội đồng nhân dân có thẩm quyền quyết định cơ chế,  
chính sách, biện pháp để phát triển các lĩnh vực tài chính, đầu tư, khoa học,  
công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, đất đai, tài nguyên, môi trường,  
thương mại, dịch vụ, công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải,  
giáo dục, y tế, hành chính tư pháp, nội vụ, lao động, xã hội, văn hóa, thông tin,  
du lịch, thể dục thể thao của địa phương theo quy định của pháp luật”;*

- Tại Khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định:  
*“Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định cụ thể đối với một số  
chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ  
và quyết định chế độ đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa  
phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ  
trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội,  
bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của  
ngân sách địa phương”*

Do đó, Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức tiền thưởng đối với các huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích tại các đại hội cấp quốc gia và mức chi giải thưởng các giải thi đấu thể thao trong tỉnh áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang không còn phù hợp với quy định hiện hành (*mức tiền thưởng đối với các huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và mức chi giải thưởng các giải thi đấu thể thao trong tỉnh áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang* *do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định*)

***c)*** Bên cạnh đó, để thu hút nhân tài thể thao, tạo điều kiện khuyến khích,  
thu hút các huấn luyện viên, vận động viên thể thao của tỉnh an tâm công tác và  
tiếp tục cống hiến cho thể thao tỉnh nhà, đồng thời để tiếp tục thực hiện chế độ  
chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Tuyên Quang, vì  
vậy mức thưởng đối với huấn luyện, viên vận động viên có vai trò rất quan trọng trong việc động viên, khuyến khích đội ngũ huấn luyện viên, vận động viên lập  
thành tích nhằm đưa thể thao tỉnh Tuyên Quang ngày càng phát triển.

- Số liệu tham khảo mức chi khen thưởng đối với huấn luyện viên, vận  
động viên lập thành tích của một số địa phương như sau:

+ Tỉnh Bắc Kạn: Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 7/12/2021 của  
Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn quy định mức thưởng đối với các huấn luyện  
viên, vận động viên thể thao thành tích tại các giải thể thao toàn quốc, các  
giải thể thao khu vực và giải thi đấu thể thao các cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

+ Tỉnh Thái Nguyên: Nghị quyết số 08/2022 cấp tỉnh quy định mức  
thưởng đối với vận động viên tại các giải thể thao, Đại hội Thể dục thể thao của  
tỉnh Thái Nguyên.

+ Tỉnh Hà Giang: Quyết định số 26/2022/QĐ-UBND ngày 23/11/2022  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang quy định một số chế độ đối với huấn luyện  
viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu trên địa bàn tỉnh  
Hà Giang.

*Đơn vị tính: Đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành tích** | **MỨC CHI KHEN THƯỞNG** | | | |
| **Tỉnh Bắc Kạn** | | **Tỉnh Thái Nguyên** | **Tỉnh Hà Giang** |
| **I. Giải thể thao khu vực và toàn quốc** | | | | |
| **1. Đại hội thể thao toàn quốc** | | | | |
| Huy chương Vàng | 15.000.000 | | 8.000.000 | 18.000.000 |
| Huy chương Bạc | 10.000.000 | | 4.000.000 | 11.000.000 |
| Huy chương Đồng | 7.000.000 | | 2.000.000 | 7.000.000 |
| Phá kỷ lục | 7.000.000 | | Phá kỷ lục Quốc gia được thưởng thêm 6 lần | 22.000.000 |
| **2. Giải vô địch thể thao quốc gia** | | | | |
| Huy chương Vàng | 8.000.000 | | 8.000.000 | 13.000.000 |
| Huy chương Bạc | 5.000.000 | | 4.000.000 | 9.000.000 |
| Huy chương Đồng | 4.000.000 | | 2.000.000 | 4.500.000 |
| Phá kỷ lục | 4.000.000 | | Phá kỷ lục Quốc gia được thưởng thêm 6 lần | 15.500.000 |
| **3. Giải vô địch trẻ quốc gia** | | | | |
| Huy chương Vàng | -Lứa tuổi 18-21: 4.000.000  -Lứa tuổi 16-18: 3.200.000  -Lứa tuổi 12-16: 2.400.000  -Lứa tuổi dưới 12: 1.600.000 | | 4.800.000 | 9.000.000 |
| Huy chương Bạc | -Lứa tuổi 18-21: 2.500.000  -Lứa tuổi 16-18: 2.000.000  -Lứa tuổi 12-16: 1.500.000  -Lứa tuổi dưới 12:1.000.000 | | 2.400.000 | 4.500.000 |
| Huy chương Đồng | -Lứa tuổi 18-21: 2.000.000  -Lứa tuổi 16-18: 1.600.000  -Lứa tuổi 12-16: 1.200.000  -Lứa tuổi dưới 12: 800.000 | | 1.200.000 | 2.500.000 |
| Phá kỷ lục | -Lứa tuổi 18-21: 2.000.000  -Lứa tuổi 16-18: 1.600.000  -Lứa tuổi 12-16: 1.200.000  -Lứa tuổi dưới 12: 800.000 | |  | 11.000.000 |
| **II. Giải thể thao cấp tỉnh** | | | | |
| **1. Giải cá nhân** | | | | |
| Huy chương Vàng | 1.000.000 | 1.500.000 | | 2.000.000 |
| Huy chương Bạc | 700.000 | 1.200.000 | | 1.500.000 |
| Huy chương Đồng | 500.000 | 900.000 | | 1.000.000 |
| **2. Giải toàn đoàn trong Hội thi và các giải thi đấu thể thao** | | | | |
| Giải nhất | Mức thưởng chung cho VĐV bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại các khoản 1,2,3 và 4 Điều 3 Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND tỉnh | 3.000.000 | | 7.000.000 |
| Giải nhì | 2.200.000 | | 4.500.000 |
| Giải ba | 1.500.000 | | 3.500.000 |
| **2. Giải toàn đoàn trong Đại hội thể dục thể thao, Hội khỏe phù đổng** | | | | |
| Giải nhất | Mức thưởng chung cho VĐV bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng tương ứng quy định tại các khoản 1,2,3 và 4 Điều 3 Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND tỉnh | 8.000.000 | | 17.000.000 |
| Giải nhì | 5.000.000 | | 12.500.000 |
| Giải ba | 3.000.000 | | 7.500.000 |

- Từ những lý do trên, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân quy định mức tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và mức chi giải thưởng các giải thi đấu thể thao trong tỉnh áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là cần thiết và phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo theo đúng quy định.

**2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

Việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao trong tỉnh áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở kế thừa các văn bản đã ban hành của tỉnh *(Quyết định số 10/2022/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của UBND tỉnh Tuyên Quang và Quyết định số 26/2022/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)* và căn cứ vào quy định của pháp luật hiện hành, nhằm:

a) Tạo cơ sở pháp lý đối với việc chi chế độ thưởng đối với HLV, VĐV lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao của khu vực và toàn quốc và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh, nhằm đáp ứng với thực tiễn và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời điểm hiện tại và các năm tiếp theo, tạo động lực, khuyến khích, động viên các HLV, VĐV phấn đấu lập thành tích cho địa phương. Để thực hiện mục tiêu này, các nội dung quy định sẽ căn cứ vào Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07/11/2018 của Chính phủ, Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015 và nguồn lực của địa phương.

b) Đảm bảo hệ thống pháp lý về trình tự thủ tục cho việc lập dự toán, phân bổ ngân sách và quản lý sử dụng nguồn ngân sách được cấp theo quy định. Tạo cơ sở cho tăng cường sự quản lý, giám sát của Nhà nước đối với thực hiện mức thưởng cho HLV, VĐV lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao khu vực và toàn quốc và các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh. Tránh tình trạng thực hiện chi chế độ thưởng vật chất không đúng quy định về nội dung chi, định mức chi không đảm bảo đáp ứng yêu cầu thực tiễn, không phù hợp với điều kiện hiện tại, đảm bảo việc quản lý sử dụng nguồn ngân sách được cấp.

c) Nhằm khắc phục các tồn tại hạn chế, bất cập, đặc biệt khắc phục các điểm trái với các quy định của pháp luật hiện hành. Nhằm thực hiện chi chế độ thưởng tạo ra tính công bằng, tính cạnh tranh và tạo động lực mạnh mẽ để VĐV, HLV quyết tâm trong tập luyện và thi đấu.

**3. Phương án giải quyết**

Nhằm được mục tiêu đề ra và giải quyết được những vấn đề còn bất cập, việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao trong tỉnh áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang được quy định, cụ thể như sau:

**3.1. Mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen, tiền thưởng kèm theo  
Bằng khen.

2. Vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia mức thưởng tương ứng theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Vận động viên lập thành tích thi đấu trong các môn thể thao có nội dung thi đấu tập thể được hưởng mức thưởng bằng số lượng người được thưởng theo quy định của điều lệ giải nhân với mức thưởng tương ứng của giải cá nhân quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các giải thi đấu thể thao có nội dung thi đấu cá nhân thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên.

5. Huấn luyện viên trực tiếp đào tạo đội tuyển thi đấu lập thành tích trong các giải thi đấu thể thao có môn hoặc nội dung thi đấu tập thể thì được hưởng mức thưởng chung bằng mức thưởng đối với vận động viên đạt giải nhân với số lượng huấn luyện viên, theo quy định như sau: dưới 04 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên; từ 04 đến 08 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính 02 huấn luyện viên; từ 09 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính 03 huấn luyện viên; từ 13 đến 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính 04 huấn luyện viên; trên 15 vận động viên tham gia thi đấu, mức thưởng chung tính 05 huấn luyện viên.

6.  Môn thi đấu đồng đội *(Các môn thi đấu mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác nhận trong cùng một lần thi)* thì từ huy chương thứ hai trở lên, mức thưởng chung cho huấn luyện viên, vận động viên bằng số người được thưởng *(Số lượng người tham gia môn thể thao đồng đội theo quy định của Điều lệ giải)* nhân với 50% mức thưởng tương quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

**Phụ lục I:**

*Đơn vị tính: Đồng*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Mức chi** |
| **I** | **Huấn luyện viên, Vận động viên lập thành tích tại Đại hội thể dục, thể thao toàn quốc, Hội khỏe Phù đổng toàn quốc** |  |
| 1 | Huy chương vàng | 18.000.000 |
| 2 | Huy chương bạc | 11.000.000 |
| 3 | Huy chương đồng | 7.000.000 |
| 4 | VĐV phá kỷ lục quốc gia | 22.000.000 |
| **II** | **Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các Giải vô địch quốc gia** |  |
| 1 | Huy chương vàng | 13.000.000 |
| 2 | Huy chương bạc | 9.000.000 |
| 3 | Huy chương đồng | 4.500.000 |
| 4 | VĐV phá kỷ lục quốc gia | 15.500.000 |
| **III** | **Huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải vô địch trẻ; vô địch các câu lạc bộ toàn Quốc** |  |
|  | Mức thưởng bằng 80% mức thưởng vận động viên đạt giải trong các giải Vô địch quốc gia |  |
| **IV** | **Hội thi thể thao dân tộc thiểu số; giải thể thao dành cho người khuyết tật; người cao tuổi và các giải thuộc hệ thống thi đấu thể thao quần chúng cấp khu vực, toàn quốc** |  |
|  | Mức thưởng bằng 80% mức thưởng vận động viên đạt giải trong các giải vô địch trẻ; vô địch các câu lạc bộ toàn Quốc |  |

**3.2. Mức chi giải thưởng đối với vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh**

Đối với cá nhân, tập thể khi lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao trong tỉnh: Mức thưởng tương ứng quy định theo Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

**Phụ lục II:**

*Đơn vị tính: Đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | | **Mức chi** |
| **A** | **Giải Đại hội thể dục, thể thao và Hội khỏe phù đổng cấp tỉnh** | |  |
| **I** | **Giải cá Nhân** | |  |
| 1 | Giải nhất | | 3.500.000 |
| 2 | Giải nhì | | 2.500.000 |
| 3 | Giải ba | | 1.500.000 |
| 4 | VĐV phá kỷ lục | | 4.000.000 |
| **II** | **Giải toàn đoàn, đội, đồng đội và giải đôi** | |  |
| 1 | Giải đôi được thưởng bằng 1,5 lần giải cá nhân tương ứng | | |
| 2 | Giải đồng đội thưởng bằng 2 lần giải cá nhân tương ứng | | |
| 3 | Giải đội thể thao mức thưởng bằng mức thưởng các giải cấp tỉnh tương ứng nhân thêm 20% | | |
| 4 | Giải toàn đoàn được thưởng bằng 5 lần giải cá nhân tương ứng | | |
| 5 | Giải khuyến khích và các giải khác phải được quy định trong điều lệ, nhưng không được vượt quá mức thưởng của giải ba của nội dung đó | | |
| **B** | **Đối với các giải thể thao cấp tỉnh hằng năm** | | |
| **I** | **Giải toàn đoàn** |  | |
|  | Giải nhất | 11.000.000 | |
|  | Giải nhì | 7.000.000 | |
|  | Giải ba | 4.500.000 | |
| **II** | **Giải cá nhân** |  | |
|  | Giải nhất | 2.500.000 | |
|  | Giải nhì | 2.000.000 | |
|  | Giải ba | 1.500.000 | |
| **III** | **Giải đôi** |  | |
|  | Giải nhất | 4.000.000 | |
|  | Giải nhì | 3.200.000 | |
|  | Giải ba | 2.400.000 | |
| **IV** | **Giải đồng đội** |  | |
|  | Bằng số lượng người được thưởng nhân với 80% mức thưởng của giải cá nhân theo quy định của Điều lệ giải | | |
| **C** | Giải khuyến khích và các giải khác phải được quy định trong điều lệ, nhưng không được vượt quá mức thưởng của giải ba của nội dung đó | | |
|  | Cờ thưởng, huy chương, Cúp và hoa không tính trong số tiền thưởng. | | |
|  | Các mức quy định này thực hiện cho các giải từ nguồn ngân sách nhà nước, không quy định mức chi cho các giải thể thao từ nguồn kinh phí xã hội hóa. | | |
| **D** | Đối với các giải trẻ cấp tỉnh, Hội thi thể thao dân tộc thiểu số, các giải thi đấu thể thao cấp xã, phường, ngành, các giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật, người cao tuổi: Mức thưởng tối đa bằng 80% mức thưởng tại các cuộc thi đấu thể dục thể thao cấp tỉnh. | | |

**II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

**1. Xác định vấn đề bất cập**

1.1. Tại Điểm d Khoản 1 Điều 15 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 quy định: *“Hội đồng nhân dân có thẩm quyền quyết định cơ chế, chính sách, biện pháp để phát triển các lĩnh vực tài chính, đầu tư, khoa học,  
công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, đất đai, tài nguyên, môi trường,  
thương mại, dịch vụ, công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải,  
giáo dục, y tế, hành chính tư pháp, nội vụ, lao động, xã hội, văn hóa, thông tin,  
du lịch, thể dục thể thao của địa phương theo quy định của pháp luật”;*

- Tại Khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định:  
*“Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định cụ thể đối với một số  
chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ  
và quyết định chế độ đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa  
phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ  
trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội,  
bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của  
ngân sách địa phương”*

Do đó, Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức tiền thưởng đối với các huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích tại các đại hội cấp quốc gia và mức chi giải thưởng các giải thi đấu thể thao trong tỉnh áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang không còn phù hợp với quy định hiện hành (*mức tiền thưởng đối với các huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và mức chi giải thưởng các giải thi đấu thể thao trong tỉnh* *do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định*)

**1.2.** Theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 12/6/2025 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Nghị quyết số 203/2025/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 16/6/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; và Luật Tổ chức chính quyền địa phương *(Luật số 72/2025/QH15)* được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 16/6/2025, thì **từ ngày 01/7/2025** không còn tổ chức chính quyền địa phương cấp huyện, sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã, sáp nhập tỉnh.

## Ngày 07/6/2025, Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang ban hành Văn bản số 829/STPNV1 về việc hướng dẫn rà soát, thống kê các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang ban hành; đề xuất việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật, theo đó yêu cầu *“Trên cơ sở rà soát, lập Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang ban hành* *còn hiệu lực, nghiên cứu, đề xuất Danh mục Nghị quyết, Quyết định quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang ban hành được áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang mới”*. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang cũng đang áp dụng một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao theo Quyết định số 26/2022/QĐ-UBND ngày 23/11/2022 của UBND tỉnh Hà Giang quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu trên địa bàn tỉnh Hà Giang, các mức chi khen thưởng đều cao hơn; tuy nhiên Quyết định số 26/2022/QĐ-UBND không phù hợp với thẩm quyền quy định tại điểm d Khoản 1 Điều 15 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 và khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 nêu trên.

## 2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

## - Tạo cơ sở pháp lý đối với việc chi tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao trong tỉnh nhằm đáp ứng với thực tiễn và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời điểm hiện tại và các năm tiếp theo, tạo động lực, khuyến khích, động viên các HLV, VĐV phấn đấu lập thành tích cho địa phương.

## - Đảm bảo hệ thống pháp lý về trình tự thủ tục cho việc lập dự toán, phân bổ ngân sách và quản lý sử dụng nguồn ngân sách được cấp theo quy định. Tạo cơ sở cho tăng cường sự quản lý, giám sát của Nhà nước đối với thực hiện chi tiền thưởng cho huấn luyện viên, vận động viên thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và mức chi giải thưởng các giải thi đấu thể thao trong tỉnh

## 3. Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề

## Đề xuất ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và mức chi giải thưởng các giải thi đấu thể thao trong tỉnh áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Việc xây dựng và ban hành Nghị quyết sẽ là động lực động viên, khích lệ huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao, thể thao phòng trào phấn đấu thành tích tại các giải thể thao của tỉnh, khu vực và toàn quốc đảm bảo thực hiện hoàn thành chỉ tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh. Đồng thời là động lực, động viên các thành phần, đối tượng tham gia tập luyện thể thao thường xuyên nâng cao sức khỏe, đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

**4. Đánh giá tác động của giải pháp**

**a)** Tác động về kinh tế: Việc ban hành quy định chính sách này sẽ làm phát sinh thêm kinh phí thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao của tỉnh, khu vực và toàn quốc, tuy nhiên với xu thế phát triển kinh tế - xã hội thì việc ban hành Nghị quyết quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao trong tỉnh sẽ tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy việc nâng cao thành tích thi đấu thể thao, góp phần tích cực vào việc phát triển sự nghiệp Thể dục thể thao của tỉnh.

**b)** Tác động về xã hội:

+ Giải pháp này đảm bảo thực hiện chủ trương, định hướng theo Kế hoạch số 489-KH/TU ngày 26/6/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tuyên Quang thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 31/01/2024 của Bộ Chính trị về phát triển thể dục, thể thao trong giai đoạn mới; Kế hoạch số 489-KH/TU ngày 26/6/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Giang thực hiện Kết luận số 70-KL/TW ngày 31/01/2024 của Bộ Chính trị về phát triển thể dục, thể thao trong giai đoạn mới; Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 22/01/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chiến lược phát triển thể dục, thể thao Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Đề án phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016 -2026, nhằm phấn đấu đảm bảo các chỉ tiêu về thể thao thành tích cao và thể thao quần chúng trong toàn tỉnh.

+ Là cơ sở pháp lý để các đơn vị, địa phương, doanh nghiệp tham gia các hoạt động Thể dục thể thao đặc biệt trong tham gia các giải thể thao, huy động nguồn lực thực hiện xã hội hóa các hoạt động Thể dục thể thao, góp phần thúc đẩy phong trào Thể dục thể thao trong toàn tỉnh.

**c)** Tác động về giới

Chính sách này không phân biệt về quyền, nghĩa vụ và lợi ích giữa các giới.

**d)** Tác động của thủ tục hành chính

Không phát sinh thêm thủ tục hành chính.

Hiện nay, phần lớn các tỉnh, thành trong cả nước đã có các chế độ chính sách đãi ngộ cho huấn luyện viên, vận động viên để thu hút nhân tài thể thao. Để tạo điều kiện khuyến khích, thu hút các huấn luyện viên, vận động viên thể thao của tỉnh an tâm công tác và tiếp tục cống hiến cho thể thao tỉnh nhà; đồng thời để tiếp tục thực hiện chế độ chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Tuyên Quang, vì vậy mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên có vai trò rất quan trọng trong việc động viên, khuyến khích đội ngũ huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích nhằm đưa thể thao của tỉnh ngày càng phát triển.

Để giải quyết vấn đề bất cập nêu trên, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức thưởng đối với các huấn luyện viên, vận động viên thể thao lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao trong tỉnh để đảm bảo yêu cầu nhiệm vụ và phù hợp với tình hình thực tiễn của giai đoạn hiện nay.

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động về việc tham mưu xây dựng Nghị quyết quy định mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu thể thao quốc gia và các giải thi đấu thể thao trong tỉnh áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trân trọng báo cáo./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên *(báo cáo);*  - Sở Tư pháp *(phối hợp);*  - Sở Tài chính *(phối hợp);*  - Lãnh đạo Sở *(báo cáo);*  - Lưu: VT, QLTDTT. | **KT. GIÁM ĐỐC**  **PHÓ GIÁM ĐỐC**  **Lê Thanh Sơn** |